

Bản án số: 18 /2023/DS– PT
Ngày: 22/3/2023
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Chậu

Các Thẩm Phán: Ông Lê Trúc Lâm

Bà Vũ Ngọc Hà

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Phạm Việt Triều –Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22/3/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2022/TLPT-DS ngày 19/12/2022 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 106/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXX- PT ngày 17/02/2023, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 22/3/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thanh S, sinh năm 1964; Địa chỉ: 27 T, phường M, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Kim T, sinh năm 1966; Địa chỉ: Khu phố N, phường P, thành phố T, Phú Yên. Có mặt;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Hải L, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn Đông P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt;

- Ông Võ Tấn C, sinh năm 1988; Địa chỉ: Khu phố N, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/3/2013, các tài liệu có trong vụ án nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S trình bày: Vào ngày 25/8/2010, bà Nguyễn Thị Kim T có mua của bà S một xe mô tô KAVASHAKI, số máy 00007376, số khung 004376 còn nợ lại 7.000.000đ; hện trả góp 500.000đ/tháng thời gian góp 14 tháng nhưng đến nay vẫn còn nợ 7.000.000đ. Khi mua xe có ông Võ Tấn C ký bảo lãnh. Nay bà S yêu cầu bà T, ông C phải trả cho bà S số nợ gốc là 7.000.000đ và tiền lãi tính theo quy định của pháp luật 1,125%/tháng tính từ ngày 25/8/2010.

Bị đơn bà T trình bày: Năm 2010, bà có mua 01 chiếc xe máy hiệu Kawasaki của bà Thanh S, số khung, số máy như trong hợp đồng trả góp mua xe máy với số tiền 11.000.000 đồng, đưa trước 4.000.000 đồng, còn nợ lại 7.000.000 đồng. Sau đó bà T trả góp được mấy tháng, mỗi tháng 500.000 đồng, nhưng sau đó do bà trả nợ không

đúng hẹn nên người của bà S qua nhà bà Thúy lấy lại xe. Bà T không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà S vì bà S đã lấy lại xe.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Tấn C trình bày: Thống nhất như lời trình bày bà T.

- Ông Nguyễn Hải L vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 106/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S tại đơn khởi kiện ngày 03/03/2013

Buộc bà Huỳnh Thị Kim T phải trả cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S số tiền 18.432.000 (Mười tám triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng). Trong đó: Tiền gốc 7.000.000đ, tiền lãi 11.432.000đ về khoản tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Trường hợp bà T không trả nợ hoặc trả không đủ cho bà S thì ông C phải có trách nhiệm trả cho bà S xong khoản nợ gốc và lãi 18.432.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa trả khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02 tháng 11 năm 2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Tấn C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Tấn C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn bà S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm. Về án phí: giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hải L đều có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Tấn C, Hội đồng xét xử thấy: Năm 2010, bà T có mua 01 chiếc xe máy hiệu₂

Kawasaki của bà Thanh S, số khung, số máy như trong hợp đồng trả góp mua xe máy với số tiền 11.000.000 đồng, đưa trước 4.000.000 đồng, còn nợ lại 7.000.000 đồng. Bà T trả góp được mấy tháng, mỗi tháng 500.000 đồng, nhưng sau đó do bà T trả nợ không đúng hạn nên người nhà của bà S qua nhà bà Thúy lấy lại xe. Việc bà T trình bày nêu trên nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện chứng minh bà T có trả nợ cho bà S và bà S đã thu xe mô tô của bà T sau thời gian ký hợp đồng trả góp mua xe máy ngày 25/8/2010 nên lời trình bày của bà T không có căn cứ nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà S đòi bà T, ông C phải trả 7.000.000đ về khoản mua xe còn nợ là có cơ sở phù hợp pháp luật.

[3] Đối với việc bà S yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1,125%/tháng kể từ ngày 25/8/2010 đến nay là 12 năm 01 tháng 05 ngày. ($7.000.000đ \times 1,125\%/tháng \times 145$ tháng 5 ngày = 11.432.000đ). Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà S buộc bà T phải trả cho bà S cả gốc và lãi là 18.432.000đ. Trường hợp bà T không trả nợ hoặc trả không đủ cho bà S thì ông C phải có trách nhiệm trả cho bà S xong khoản nợ gốc và lãi 18.432.000đ là có cơ sở, đúng pháp luật.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy nội dung kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có cơ sở và tại cấp phúc thẩm người kháng cáo cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nào khác. Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Tấn C, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm như Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên đề nghị tại phiên tòa là phù hợp với quy định pháp luật.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không được chấp nhận nên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Tấn C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 428, 305 Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S tại đơn khởi kiện ngày 03/03/2013

Buộc bà Huỳnh Thị Kim T phải trả cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S số tiền 18.432.000đ (Mười tám triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng). Trong đó: Tiền gốc 7.000.000đ, tiền lãi 11.432.000đ về khoản tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Trường hợp bà Thúy không trả nợ hoặc trả không đủ cho bà S thì ông C phải có trách nhiệm trả cho bà S xong khoản nợ gốc và lãi 18.432.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa trả khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Tấn C phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tiền tạm ứng án số 0007780 ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

Bị đơn phải chịu 922.000đ (Chín trăm hai mươi hai nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà S tiền tạm ứng án phí 236.000đ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 10416 ngày 14 tháng 3 năm 2013 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- TAND TP Tuy Hòa;
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- Chi cục THADS TP Tuy Hòa;
- Lưu: HSVA.

Ngô Chiu